

Bản án số: 45/2019/DS- ST
Ngày 08-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bình
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐXXST-DS ngày 21/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 230/2019/QĐST-DS ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp T2, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1984; Cùng nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ông C có mặt, ông P và bà H vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 28/5/2018, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc C trình bày:

Ngày 21/12/2015 ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H có nhu cầu mua đất để làm nhà ở nên ông có cho ông P và bà H vay số tiền 60.000.000 đồng có

giấy mượn tiền, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày 21/12/2015, hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất là 1,7%/tháng. Hết thời hạn thỏa thuận theo hợp đồng ông có trực tiếp đến nhà ông P và bà H để yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ gốc và số tiền lãi nhưng ông P và bà H không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,7%/tháng tính từ ngày 21/12/2015 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi, cụ thể ông yêu cầu ông P và bà H liên đới trả số tiền lãi tính từ ngày 21/12/2015 đến ngày Tòa xét xử là ngày 08/8/2019 (43 tháng 17 ngày) theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt tại Tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2018 như sau: Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông C số tiền 60.000.000 đồng, giấy mượn nợ ngày 21/12/2015 là do ông ký, thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, ông đã đóng lãi được 12 tháng với số tiền là 43.200.000 đồng. Kết thúc việc đóng lãi ông đã trả cho ông C toàn bộ số nợ trên nên ông không đồng ý trả cho ông C số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của ông C.

Bà Lê Thị Thúy H vắng mặt tại Tòa cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý vụ án đã gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; thông báo giao nộp chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai và tiếp cận chứng cứ cũng như xét xử nên đã vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc C số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2015 đến ngày Tòa xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C đối với ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xác định ông Nguyễn Quốc C là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H có nơi cư trú tại thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng bà H và ông P vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà H và ông P vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông P là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Quốc C yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 60.000.0000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tháng tính từ ngày 21/12/2015 đến ngày Tòa xét xử là ngày 08/8/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P thừa nhận ông và bà H có vay của ông C số tiền 60.000.000 đồng nên xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông P cho rằng ông đã trả xong khoản tiền này cho ông C, và ông cung cấp cho Tòa án sổ theo dõi về việc trả tiền nhưng ông C không thừa nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo “Sổ theo dõi trả tiền anh Quốc C” thể hiện có nội dung, ngày tháng, số tiền trả, và ký nhận rõ ràng tuy nhiên theo kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện thì các chữ ký nhận tiền này không phải là của ông C. Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Quốc C theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 21/12/2015 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là 43 tháng 17 ngày

với số tiền là 21.696.200 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mức lãi suất mà ông Cyêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông C về việc yêu cầu ông P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo giấy mượn tiền ngày 21/12/2015 thể hiện ông Plà người trực tiếp ký nhận tiền, bà H không có ký tên nhưng mục đích vay tiền là để mua nên nhà. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Pvà bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền nợ còn thiếu là đúng quy định pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định là 4.085.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật

Chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí giám định chữ ký là 3.000.000 đồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ liên đới chịu, nhưng ông P và bà H đã thanh toán xong 2.400.000 đồng nên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc C 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc C số tiền nợ vay còn thiếu là 81.696.200 đồng (Trong đó nợ gốc là 60.000.0000 đồng, tiền lãi là 21.696.200 đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H phải liên đới chịu là 4.085.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 2.163.000 đồng cho ông Nguyễn Quốc C theo biên lai thu số 0016455 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí giám định chữ ký là 3.000.000 đồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ liên đới chịu, nhưng ông P và bà H đã thanh toán xong 2.400.000 đồng nên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc C 600.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm